

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24/5/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.
- Điều 2.** Các vị thế mở mua hoặc bán độc lập không áp dụng ký quỹ liên kỳ hạn sẽ được tính vào hạn mức áp dụng Khoản hỗ trợ rủi ro thanh toán theo quy định của MXV.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **03/5/2024** và thay thế Quyết định số: 241/QĐ/TGD-MXV ngày 29/3/2024.
- Điều 4.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Khối QLGD, HC./.

**Dương Đức Quang**

C.T.C.P-G.P.T.L:4596/GP-B
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM
M.S.D. 031014

PHỤ LỤC I

MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỲ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG DẦU THÔ

TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 372./QĐ/TGD-MXV ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	Năng lượng	ICE EU	07/2024	08/2024	441	USD
2				07/2024	09/2024	760	USD
3				07/2024	10/2024	1,112	USD
4				07/2024	11/2024	1,112	USD
5				07/2024	12/2024	1,640	USD
6				07/2024	01/2025	1,640	USD
7				07/2024	02/2025	1,882	USD
8				07/2024	03/2025	1,882	USD
9				07/2024	04/2025	2,135	USD
10				07/2024	05/2025	2,135	USD
11				07/2024	06/2025	2,135	USD
12				08/2024	09/2024	320	USD
13				08/2024	10/2024	672	USD
14				08/2024	11/2024	678	USD
15				08/2024	12/2024	1,200	USD
16				08/2024	01/2025	1,200	USD
17				08/2024	02/2025	1,442	USD
18				08/2024	03/2025	1,442	USD
19				08/2024	04/2025	1,695	USD
20				08/2024	05/2025	1,695	USD
21				08/2024	06/2025	1,695	USD
22				09/2024	10/2024	353	USD
23				09/2024	11/2024	403	USD
24				09/2024	12/2024	881	USD
25				09/2024	01/2025	881	USD
26				09/2024	02/2025	1,123	USD



27				09/2024	03/2025	1,123	USD
28				09/2024	04/2025	1,376	USD
29				09/2024	05/2025	1,376	USD
30				09/2024	06/2025	1,376	USD
31				10/2024	11/2024	179	USD
32				10/2024	12/2024	529	USD
33				10/2024	01/2025	529	USD
34				10/2024	02/2025	771	USD
35				10/2024	03/2025	771	USD
36				10/2024	04/2025	1,024	USD
37				10/2024	05/2025	1,024	USD
38				10/2024	06/2025	1,024	USD
39				11/2024	12/2024	529	USD
40				11/2024	01/2025	529	USD
41				11/2024	02/2025	771	USD
42				11/2024	03/2025	771	USD
43				11/2024	04/2025	1,024	USD
44				11/2024	05/2025	1,024	USD
45				11/2024	06/2025	1,024	USD
46				12/2024	01/2025	146	USD
47				12/2024	02/2025	275	USD
48				12/2024	03/2025	372	USD
49				12/2024	04/2025	673	USD
50				12/2024	05/2025	673	USD
51				12/2024	06/2025	673	USD
52				01/2025	02/2025	243	USD
53				01/2025	03/2025	243	USD
54				01/2025	04/2025	496	USD
55				01/2025	05/2025	673	USD
56				01/2025	06/2025	673	USD
57				02/2025	03/2025	113	USD
58				02/2025	04/2025	254	USD
59				02/2025	05/2025	326	USD
60				02/2025	06/2025	413	USD

61				03/2025	04/2025	254	USD
62				03/2025	05/2025	254	USD
63				03/2025	06/2025	296	USD
64				04/2025	05/2025	97	USD
65				04/2025	06/2025	191	USD
66				05/2025	06/2025	99	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hoá ICE EU.

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ giao dịch liên kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	QO	Năng lượng	ICE EU	07/2024	6,457	USD
2					08/2024	6,017	USD
3					09/2024	5,698	USD
4					10/2024	5,346	USD
5					11/2024	5,346	USD
6					12/2024	4,818	USD
7					01/2025	4,818	USD
8					02/2025	4,576	USD
9					03/2025	4,576	USD
10					04/2025	4,323	USD
11					05/2025	4,323	USD
12					06/2025	4,323	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ICE EU.

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

